

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH  
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG GIẢI QUYẾT CỦA UBND XÃ**

(Kèm theo Thông báo số 89/TB-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND xã Cao Thắng)

1.	Đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	<ul style="list-style-type: none"><li>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em;</li><li>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi đối với trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi.</li><li>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi trẻ đang cư trú có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ chưa xác định được cha, mẹ.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: Mức lệ phí là 5.000 đồng/lần</li><li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</li><li>- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Hôn nhân và gia đình;</li><li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li><li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;</li><li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;</li><li>- <b>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;</b></li><li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP;</li><li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP;</li><li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC;</li><li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC;</li><li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC;</li><li>- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.</li></ul>
2.	Đăng ký kết hôn	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.	<ul style="list-style-type: none"><li>Miễn lệ phí.</li><li>- Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Hôn nhân và gia đình;</li><li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li><li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;</li><li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;</li><li>- <b>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;</b></li></ul>

		quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.		lục.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC.</li> </ul>
3.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.	<p>10.000 đồng/lần</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</li> <li>- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;</li> <li>- <b>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;</b></li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC;</li> <li>- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.</li> </ul>
4.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: 15.000 đồng/lần.</li> <li>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;</li> <li>- <b>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;</b></li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP;</li> </ul>

				<p>nghèo; người khuyết tật.</p> <p>- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC;</li> <li>- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.</li> </ul>
5.	Đăng ký khai tử	<p>Ngày trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi cư trú cuối cùng của người chết thực hiện việc đăng ký khai tử;</p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể người chết thực hiện việc đăng ký khai tử trong trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: 5000 đồng/lần.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</li> <li>- Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;</li> <li>- <b>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;</b></li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC;</li> <li>- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.</li> </ul>
6.	Đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc.	<p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn, mức lệ phí: 5000 đồng/lần.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;</li> <li>- <b>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;</b></li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP;</li> </ul>

				đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC;</li> <li>- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.</li> </ul>
7.	Đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi cư trú của hai bên nam, nữ.	Miễn lệ phí.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;</li> <li>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;</i></li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC.</li> </ul>
8.	Đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi cư trú cuối cùng của người chết;</li> <li>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã UBND cấp xã nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể người chết thực hiện việc đăng ký khai tử trong trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: 5000 đồng/lần.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;</li> <li>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;</i></li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC.</li> <li>- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.</li> </ul>

9.	Đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi cư trú của người được giám hộ hoặc người giám hộ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn lệ phí.</li> <li>- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật Dân sự năm 2015;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;</li> <li>- <b>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;</b></li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC;</li> <li>- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.</li> </ul>
10.	Đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi đã đăng ký giám hộ trước đây.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn lệ phí.</li> <li>- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật Dân sự năm 2015;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;</li> <li>- <b>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;</b></li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC.</li> </ul>
11.	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.</li> <li>- Ngay trong ngày</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc UBND cấp xã nơi cư trú của người có yêu cầu có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi, cải chính</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: 10.000 đồng/lần.</li> <li>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;</li> <li>- <b>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;</b></li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC;</li> </ul>

		<p>làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	<p>cho người chưa đủ 14 tuổi, bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.</p> <p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi đã đăng ký khai tử trước đây thực hiện việc cải chính nội dung đăng ký khai tử.</p>	<p>- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục.</p>	<p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.</p>
12.	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	<p>03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân thường trú.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân không có nơi thường trú nhưng có đăng ký tạm trú theo quy định của pháp luật về cư trú thì UBND cấp xã nơi tạm trú thực hiện việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.</p> <p>Hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công</p>	<p>- Lệ phí: 10.000 đồng/lần.</p> <p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<p>- Luật Hôn nhân và gia đình; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; <b>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;</b> - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.</p>

			quốc gia ( <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ) hoặc Cổng DVC của tỉnh ( <a href="https://dichvucong.haiduong.gov.vn">https://dichvucong.haiduong.gov.vn</a> ).		
13.	Đăng ký lại khai sinh	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi đã đăng ký khai sinh trước đây hoặc UBND cấp xã nơi người yêu cầu đăng ký lại khai sinh thường trú.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: 5000 đồng/lần</li> <li>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</li> <li>- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;</li> <li>- <b>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;</b></li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC;</li> <li>- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.</li> </ul>
14.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi người yêu cầu cư trú.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: 5000 đồng/lần.</li> <li>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</li> <li>- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;</li> <li>- <b>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;</b></li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC;</li> <li>- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.</li> </ul>

15.	Đăng ký lại kết hôn	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi đã đăng ký kết hôn trước đây hoặc UBND cấp xã nơi người yêu cầu thường trú.	25.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hôn nhân và gia đình;</li> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;</li> <li>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;</i></li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC;</li> <li>- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.</li> </ul>
16.	Đăng ký lại khai tử	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi đã đăng ký khai tử trước đây.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: 5000 đồng/lần</li> <li>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</li> <li>- Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;</li> <li>- <i>Nghị định số 104/2022/NĐ-CP;</i></li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC;</li> <li>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC;</li> <li>- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.</li> </ul>